

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 08 - 5 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Là Chủ Đại lý thuộc, thức ăn thủy sản T, địa điểm kinh doanh thuộc ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm G, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Ông Võ Minh T, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Văn B (vắng mặt).

Bà Võ Thị T1 (vợ ông Võ Minh T) (vắng mặt).
Cùng cư trú: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày:

Giữa bà (Nguyễn Thị S) và ông Võ Minh T, ông Võ Minh L (Võ Văn L - con ông Võ Minh T) có giao dịch mua bán với nhau. Theo thỏa thuận bên Đại lý của bà sẽ cung cấp cho ông T, ông L thức ăn tôm và thuốc thủy sản nuôi tôm suốt vụ nuôi tôm từ ba đến bốn tháng thì ông T, ông L phải thanh toán tiền theo toa vé. Quá trình mua bán có thỏa thuận bằng hợp đồng lập vào ngày 21/3/2019. Trong quá trình mua bán đến ngày 08/8/2019 giữa bà với ông T, ông L đối trừ toa vé thì ông T, ông L còn nợ bà tổng số tiền là 684.692.000 đồng. Hai bên đã tiếp tục thỏa thuận cách trả nợ và cách thức tái vụ nuôi lại. Khi hai bên bàn bạc không thống nhất nên cả hai đã chốt nợ. Hiện tại ông T, ông L còn nợ bà tổng số tiền là 684.962.000 đồng. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Minh T, ông Võ Văn L trả cho bà số tiền là 684.962.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. (Quá trình Tòa án thụ lý có ghi nhầm con số bà khởi kiện là 684.692.000 đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 04/11/2019 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Võ Văn L trình bày:

Ông (Võ Văn L) thống nhất phần trình bày của bà Nguyễn Thị S. Trước đây ông và cha ông là ông Võ Minh T có thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản đối với bà S. Hiện ông và ông T còn nợ bà S số tiền là 684.962.000 đồng. Bà S yêu cầu ông và ông T trả tiền thì ông đồng ý, ông không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Võ Minh T vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn B và bà Võ Thị T1 vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Võ Minh T và ông Võ Văn L cùng chịu trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị S số tiền còn nợ là 684.962.000 đồng (sáu trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng), đồng thời buộc ông Võ Minh T và ông Võ Văn L cùng phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ông Võ Minh T và ông Võ Văn L trả tiền từ việc mua bán thuốc, thức ăn nuôi thủy sản còn nợ. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Minh T, ông Võ Văn B và bà Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông T, ông B và bà T1.

[2]. Xét thấy, giữa bà Nguyễn Thị S và ông Võ Minh T, ông Võ Văn L (con ông T) có giao dịch mua bán với nhau. Theo thỏa thuận bên Đại lý của bà S sẽ cung cấp cho ông T, ông L thức ăn tôm và thuốc thủy sản nuôi tôm suốt vụ nuôi tôm từ ba đến bốn tháng thì ông T, ông L phải thanh toán tiền theo toa vé, quá trình mua bán có thỏa thuận bằng hợp đồng. Trong quá trình mua bán đến ngày 08/8/2019 giữa bà S với ông T, ông L đối trừ toa vé thì ông T, ông L còn nợ bà S tổng số tiền là 684.962.000 đồng. Hai bên đã tiếp tục thỏa thuận cách trả nợ và cách thức tái vụ nuôi lại. Khi hai bên bàn bạc không thống nhất nên cả hai đã chốt nợ. Hiện tại ông T, ông L còn nợ bà S tổng số tiền là 684.962.000 đồng. Ông L thống nhất phần trình bày của bà Nguyễn Thị S. Trước đây ông L và cha ông L là ông Võ Minh T có thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản đối với bà S. Hiện ông L và ông T còn nợ bà S số tiền là 684.962.000 đồng và đồng ý trả theo yêu cầu của bà S.

[3]. Tại phiên tòa ông L yêu cầu được khấu trừ phần tiền chiết khấu sau khi đã đối trừ phần tiền mặt đã thanh toán cho bà S. Tuy nhiên từ khi bắt đầu mở phiên họp, hòa giải ông L không đề cập đến vấn đề này và không có yêu cầu cụ thể. Cũng như tại phiên tòa, ông L không đưa ra được số liệu tính toán cụ thể và yêu cầu chiết khấu như thế nào, chiết khấu bao nhiêu nên không có cơ sở để xem xét. Ngoài ra, trong hợp đồng cũng ghi rõ tại Điều IV (4) “*Trả đủ tiền toa vé không nợ cũ mới thì đại lý chiết khấu thức ăn: hai ngàn đồng/kg*”. Căn cứ vào phiếu bán hàng theo dõi khách hàng Võ Minh L của đại lý thì tính từ thời điểm ngày 28/6/2019 (âm lịch): Ngày 28/6/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 912.293.000 đồng, người ký Võ Văn B; ngày 02/7/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 978.293.000 đồng, người ký Võ Văn B; ngày 07/7/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 990.018.000 đồng, người ký Võ Văn B; ngày 08/7/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 1.006.112.000 đồng, người ký Võ Văn B; ngày 14/7/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 1.039.837.000 đồng, người ký Võ Văn B; ngày 16/7/2019 có trả 200.000.000 đồng; ngày 17/7/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 1.096.172.000 đồng, người ký Võ Văn L; ngày 20/7/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 1.107.622.000 đồng, người ký Võ Văn L; ngày 27/7/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 1.144.607.000 đồng, người ký Võ

Văn B; ngày 11/8/2019 khách hàng Võ Minh T nợ số tiền 1.164.962.000 đồng, người ký Võ Văn L; ngày 18/8/2019 ông L có trả 280.000.000 đồng; ngày 08/8/2019 giữa bà Nguyễn Thị S và ông Võ Văn L có đối chiếu phần công nợ, qua đối chiếu còn nợ lại tổng số tiền là 684.962.000 đồng, ông Võ Văn L là người ký công nợ sau cùng.

[4]. Như vậy, căn cứ vào diễn biến giao dịch mua bán theo nội dung theo dõi tại sổ theo dõi thì ông T, ông L còn nợ là 684.962.000 đồng. Tại Điều IV (4) của Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản nuôi tôm giữa các bên thỏa thuận xác lập thì nếu bên B (bên mua) trả đủ tiền toa vé không nợ cũ mới thì đại lý (bên A) sẽ tính chiết khấu thức ăn: hai ngàn đồng/kg”, thuốc CP 10% theo thời điểm và thuốc Công ty khác 20%. Do ông T, ông L còn nợ tiền cũ mới nên phía ông L yêu cầu tính chiết khấu đối với phần tiền đã thanh toán là không có căn cứ để xem xét.

[5]. Đối với ông T là người có ký tên vào hợp đồng mua bán, tuy nhiên đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T vắng mặt không lý do. Tại các văn bản tổng đạt như: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập xét xử thì phía ông T cũng biết rõ yêu cầu khởi kiện cũng như lượng nợ đang tranh chấp với bà S, nhưng đến nay ông T không cung cấp lời khai, chứng cứ và không có ý kiến phản bác, phản tố gì đối với việc bà S khởi kiện.

[6]. Từ đó, xét thấy phiếu bán hàng lập ngày 08/8/2019 giữa bà S với ông L và việc ký nhận nợ của ông L trong phiếu bán hàng là có thật và đến nay ông L và ông T chưa thanh toán. Do ông T, ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xét buộc ông T, ông L phải trả số nợ 684.962.000 đồng cho bà S là phù hợp và có căn cứ. Nay xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S là có căn cứ.

[7]. Quá trình thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán được lập ngày 21/3/2019, phía bị đơn là ông Võ Minh T cùng vợ là bà Võ Thị T1, ông Võ Văn L và ông Võ Văn B tham gia với tư cách là bên B. Trong đó ông T cùng vợ là bà T1 là chủ vuông tôm, ông L và ông B là người ra đại lý T nhận hàng hóa và ký nhận toa vé. Phần cuối hợp đồng thì ông T là người ký tên đại diện cho bên B (bên mua). Tuy nhiên tại văn bản tổng đạt thì ông T từ chối nhận văn bản tố tụng và cho rằng không liên quan gì đến nội dung vụ án và nội dung bà S khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận. Việc bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ông T, ông L cùng có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[8]. Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do buộc ông T, ông L trả số tiền nợ cho bà S nên ông T, ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông

Võ Minh T là người cao tuổi, tuy nhiên ông T vắng mặt không có đơn yêu cầu miễn án phí nên buộc ông T phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điều 26, 35, 39; 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Võ Minh T và ông Võ Văn L cùng chịu trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị S tổng số tiền còn nợ là 684.962.000 đồng (sáu trăm tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Võ Minh T, ông Võ Văn L cùng phải chịu 31.398.480 đồng (ba mươi một triệu ba trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 15.694.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0019561 ngày 16/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (bà Trần Thị Tuyết A là người nộp thay). Nay được nhận lại toàn bộ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước